

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/12/2023.
V/v: Tuyên bố không phải là vợ
chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Sơn Hà;
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Tạ Văn Nhật và ông Đỗ Xuân Trường.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn – Thư ký
tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm
sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan
Phượng, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình
thụ lý số: 263/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Tuyên
bố không phải là vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
69/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1964; Địa chỉ: Xóm 6, xã T,
huyện L, tỉnh H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1966; Địa chỉ: Cụm 4, xã H, huyện
Đ, Thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Hoàng Thị
N trình bày:

Bà Hoàng Thị N và ông Trần Văn P chung sống với nhau như vợ chồng
và không có đăng ký kết hôn từ cuối năm 1987 cho đến năm 2010 thì vợ chồng
phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính cách của hai bên không hòa
hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc nên đã ly thân nhau
từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm nhau. Nay tình
cảm vợ chồng thực sự không còn, việc đoàn tụ vợ chồng là không thể thực hiện
được nên bà đề nghị Tòa tuyên bố bà và ông Trần Văn P không phải là vợ
chồng.

Về con chung: Bà Hoàng Thị N và ông Trần Văn P có 03 con chung là chị
Trần Thị Khánh, sinh năm 1988; chị Trần Thị Hương, sinh năm 1990; anh Trần

Nhật Đăng, sinh năm 1993. Các cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Trần Văn P trình bày:

Ông P công nhận giữa ông P và bà Hoàng Thị N thời gian chung sống với nhau từ cuối năm 1987 cho đến năm 2010. Chung thời gian chung sống vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2010 cho đến nay. Do ông P và bà N không đăng ký kết hôn, nay bà Nga đề nghị Tòa án tuyên bố ông Trần Văn P và bà N không phải là vợ chồng, thì ông P đồng ý.

Về con chung: Bà Hoàng Thị N và ông Trần Văn P có 03 con chung là chị Trần Thị Khánh, sinh năm 1988; chị Trần Thị Hương, sinh năm 1990; anh Trần Nhật Đăng, sinh năm 1993. Các cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Không có.

Tài liệu do Tòa án thu thập

Theo xác nhận của UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà N thể hiện: UBND xã T chỉ còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn từ năm 1999 đến nay. Các sổ đăng ký kết hôn từ năm 1999 trở về trước UBND xã T không còn lưu trữ được. Qua kiểm tra rà soát sổ đăng ký kết hôn của UBND xã T từ năm 1999 đến nay thì không có hồ sơ đăng ký kết hôn giữa bà Hoàng Thị N và ông Trần Văn P

Tại Biên bản xác minh với UBND xã H, huyện Đ, Thành phố H thể hiện: Qua rà soát các sổ đăng ký kết hôn lưu giữ tại UBND xã H không thể hiện thể hiện ông Trần Văn P, sinh năm 1966; Địa chỉ: Cụm 4, xã H, huyện Đ, Thành phố H có đăng ký kết hôn với bà Hoàng Thị N, sinh năm 1964; Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện L, tỉnh H từ ngày 18/10/2019 cho đến nay.

Tại phiên tòa ông P giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà N, tuyên bố ông và bà N không phải là vợ chồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Bà Hoàng Thị N và ông Trần Văn P chung sống với nhau từ cuối năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã nơi ông bà cư trú cho đến nay. Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung. Do mâu thuẫn nên ông bà đã ly thân nhiều năm. Quan hệ giữa ông Phụng và bà Nga có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N yêu cầu Tòa án tuyên bố bà và ông Trần Văn P không phải là vợ chồng.

Về con: Bà N và ông P có 03 con chung là chị Trần Thị Khánh, sinh năm 1988; chị Trần Thị Hương, sinh năm 1990; anh Trần Nhật Đăng, sinh năm 1993 đã thành niên không bị hạn chế về năng lực nên không cần xem xét giải quyết

Về tài sản chung, về nợ chung, công sức với hai bên gia đình: không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn là bà Hoàng Thị N có đơn đề nghị Tòa án tuyên bố bà và ông Trần Văn P không phải là vợ chồng. Ông P có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện Đ, Thành phố H. Xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng các đương sự không đoàn tụ, không đi đăng ký kết hôn nên Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Bà Hoàng Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N và ông Trần Văn P chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 1987 đến nay nhưng không đăng ký

kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, mặc ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án bà N và ông P thừa nhận trong thời gian sống chung, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, không có hạnh phúc nên bà N đã về sống cùng bố mẹ đẻ, còn ông P chuyển lên xã Tân Hội để sinh sống, hai người đã ly thân nhau từ năm 2010 cho đến nay, bà N làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố bà và ông P không phải là vợ chồng.

[2.2] Căn cứ pháp lý giải quyết yêu cầu của bà Nga: Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 luật này...”*.

Theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, thì: *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ...”*.

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà N, tuyên bố không công nhận bà Hoàng Thị N và ông Trần Văn P là vợ chồng.

[2.3] Về con chung: Bà N và ông P có 03 con chung là chị Trần Thị Khánh, sinh năm 1988; chị Trần Thị Hương, sinh năm 1990; anh Trần Nhật Đăng, sinh năm 1993. Hiện các anh chị đều đã thành niên, có khả năng lao động, có đủ năng lực hành vi dân sự, nên Hội đồng xét xử không giải quyết về quyền nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Bà N và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N.

Tuyên bố bà Hoàng Thị N và ông Trần Văn P không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Hoàng Thị N và ông Trần Văn P có 03 con chung là chị Trần Thị Khánh, sinh năm 1988; chị Trần Thị Hương, sinh năm 1990; anh Trần Nhật Đăng, sinh năm 1993. Chị Khánh, chị Hương, anh Đăng đã thành niên, có khả năng lao động, có đủ năng lực hành vi dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về quyền nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: không có

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị N phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền **300.000** đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010050 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Hoàng Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng,
TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng,
TP. Hà Nội;
- UBND xã Tân Hội, huyện
Đan Phượng, TP. Hà Nội;
- UBND xã Tiến Thắng,
huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Sơn Hà

